

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/DS-ST.

Ngày : 29/01/2021.

V/v “*tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

: Bà Mai Thị Thu Dung

Các Hội thẩm nhân dân

: 1. Ông Nguyễn Quốc Cường

2. Ông Nguyễn Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa

: Bà Hoàng Thị Huế

- là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:

Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 396/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Trụ sở: số 21 CL, phường CL, quận Đ, TP H.

Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh HCM.

Địa chỉ: Lầu 5, số 538 C, Phường 11, Quận B, TP HCM.

Ông Nguyễn Văn T - Văn bản ủy quyền số 3782/UQ-MBAMC ngày 01/6/2020 (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

Bị đơn: Ông Nguyễn Võ Huy H sinh năm: 1988

Thường trú: 327 NTT, Phường 10, quận P, TP HCM

(*vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/06/2020 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (có ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 13/12/2016, Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký kết hợp đồng cấp tín dụng số 35995.16.101.2979348.TD với ông Nguyễn Võ Huy H với những nội dung sau: Ngân hàng đồng ý cho ông H vay số tiền 4.500.000.000 (*bốn tỷ năm trăm triệu*) đồng, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Mục đích vay: thanh toán một phần tiền mua xe ô tô hiệu Maserati mới 100%, sản xuất 2016. Lãi suất cho vay được quy định chi tiết ở Điều 2 của Hợp đồng.

Cùng ngày 13/12/2016, Ngân hàng đã giải ngân cho ông H số tiền là 4.500.000.000 (*bốn tỷ năm trăm triệu*) đồng theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD1634800087. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất quy định chi tiết tại mục 5 của Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD1634800087. Để đảm bảo cho khoản vay này, ông Hoàng đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp ô tô hình thành từ vốn vay số 35996.16.101.2979348.BĐ ngày 13/12/2016, cụ thể là xe ô tô con biển số 51G-215.07, nhãn hiệu xe: MASERATI, màu xanh, số khung: ZAMSS57B001174187, số máy: M156C296314.

Trong quá trình trả nợ vay, ông H đã vi phạm thời hạn trả nợ mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Ngày 08/6/2020, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 25/5/2020 phát sinh từ hợp đồng cấp tín dụng số 35995.16.101.2979348.TD và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD1634800087 cùng ký ngày 13/12/2016 là 3.824.679.470 (*ba tỷ tám trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm bảy mươi*) đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 3.234.375.000 đồng;
- Nợ lãi: 530.673.108 đồng;
- Nợ thẻ: 59.631.362 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu ông Hoàng thanh toán tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 26/5/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng số 35995.16.101.2979348.TD và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD1634800087 cùng ký ngày 13/12/2016.

Trong trường hợp ông Hoàng không trả hết số nợ cho Ngân hàng thì đề nghị phát mãi tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ô tô hình thành từ vốn vay số 35996.16.101.2979348.BĐ ngày 13/12/2016 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ngày 30/6/2020, ông H đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ 2.600.000.000 (*hai tỷ sáu trăm triệu*) đồng và Ngân hàng đã làm thủ tục giải chấp tài sản bảo đảm. Do vậy, ngày 29/7/2020 Ngân hàng có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Ngân hàng chỉ còn yêu cầu ông H trả số tiền nợ còn lại tạm tính đến ngày 22/7/2020 là 1.215.225.088 (*một tỷ hai trăm mười lăm triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn không trăm tám mươi tám*) đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 695.147.681 đồng;

- Nợ lãi: 520.077.407 đồng.

Và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/7/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng số 35995.16.101.2979348.TD và Giấy đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số LD1634800087 cùng ký ngày 13/12/2016.

Thời hạn thanh toán: thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Võ Huy H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm bản tự khai, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2), thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn vẫn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đồng thời bổ sung phần tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/01/2021). Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 29/01/2021 là **1.228.773.259** (một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm năm mươi chín) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 634.375.000 đồng;

- Nợ lãi: 594.398.259 đồng (gồm lãi trong hạn: 6.118.194 đồng và lãi quá hạn: 588.280.065 đồng.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 30/01/2021 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong hợp đồng cấp tín dụng số 35995.16.101.2979348.TD và Giấy đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số LD1634800087 cùng ký ngày 13/12/2016.

- Bị đơn vắng mặt không lý do.

Do đó, Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã có thực hiện việc ký kết hợp đồng cấp tín dụng số 35995.16.101.2979348.TD và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD1634800087 cùng ký ngày 13/12/2016. Đây là hợp đồng tín dụng có thể chấp tài sản bảo đảm. Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có đủ căn cứ để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, do bị đơn đã trả một phần tiền nợ vay (2.600.000.000 đồng) và nguyên đơn đã giải chấp tài sản bảo đảm. Nguyên đơn đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại Quận P, Thành phố H. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.3]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Ngay sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm bản tự khai; giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền nợ 2.600.000.000 (*hai tỷ sáu trăm*

triệu) đồng. Nguyên đơn đã giải chấp tài sản bảo đảm cho bị đơn. Do vậy, nguyên đơn có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền vay 2.600.000.0000 (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn; đồng thời nguyên đơn không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả hết nợ. Nhận thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 634.375.000 đồng (sáu trăm ba mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như: hợp đồng cấp tín dụng số 35995.16.101.2979348.TD và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD1634800087 cùng ký ngày 13/12/2016; chứng từ giải ngân; Hợp đồng thế chấp ô tô hình thành từ vốn vay số 35996.16.101.2979348.BĐ ngày 13/12/2016; Giấy chứng nhận xe ô tô, đơn đăng ký yêu cầu thế chấp... có đủ cơ sở xác định: bị đơn có vay nguyên đơn số tiền 4.500.000.000 (bốn tỷ năm trăm triệu) đồng. Trong quá trình vay, bị đơn đã vi phạm thời hạn trả nợ như đã cam kết. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 634.375.000 đồng (sáu trăm ba mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc còn thiếu là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng số 35995.16.101.2979348.TD và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD1634800087 cùng ký ngày 13/12/2016, cũng như phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/01/2021) là 594.398.259 (năm trăm chín mươi bốn triệu ba trăm chín mươi tám ngàn hai trăm năm mươi chín) đồng. Trong đó:

- Lãi trong hạn: 6.118.194 đồng;
- Lãi quá hạn: 588.280.065 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến ngày trả hết nợ là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại Điều 2 của Hợp đồng cấp tín dụng số 35995.16.101.2979348.TD ngày 13/12/2016 và tại mục 5 của Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD1634800087 cùng ký ngày 13/12/2016, đồng thời cũng như phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Phú Nhuận về việc đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về án phí:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận (1.228.773.259 đồng) là 48.863.197 (*bốn mươi tám triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn một trăm chín mươi bảy*) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Võ Huy H phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 2.600.000.000 (*hai tỷ sáu trăm triệu*) đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q về việc yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp trong trường hợp ông Nguyễn Võ Huy H không trả hết nợ cho ngân hàng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Võ Huy H phải trả số tiền nợ còn thiếu (bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi) tạm tính đến ngày 29/01/2021 là 1.228.773.259 (*một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm năm mươi chín*) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 634.375.000 đồng;
- Nợ lãi: 594.398.259 đồng (gồm lãi trong hạn: 6.118.194 đồng và lãi quá hạn: 588.280.065 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Võ Huy H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng số

35995.16.101.2979348.TD và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD1634800087 cùng ký ngày 13/12/2016.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Võ Huy H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 48.863.197 (*bốn mươi tám triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn một trăm chín mươi bảy*) đồng.

Ngân hàng TMCP Q được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 54.247.000 (*năm mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042880 ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THADS Q.PN;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Dung

